TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 598/2026/DS-PT
Ngày: 16/7/2026

V/v tranh chấp *"Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu;

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Ông Nguyễn Lê Huy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp "*Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1022/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp E, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc Q - Văn phòng Luật sư Trần Ngọc Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Trần Văn Q1, sinh năm 1970.

Bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1971.

Chị Trần Thị Như T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp E, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà L, chị T: ông Trần Văn Q1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp E, xã V, tỉnh Đồng Tháp

Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu N.

(*Tại phiên tòa có mặt ông Trần Văn Q1, bà Nguyễn Thị Thu N. Vắng mặt luật sư Trần Ngọc Q*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Đối với tài sản bị xâm phạm: Ngày 21/6/2019 ông Q đốn cây mít bên đất ông, ngã qua đất bà, làm răn nứt toàn bộ và đứt đường dây điện thắp sáng từ nhà ra trước cổng. Sau đó bà có kêu ông Q khắc phục, ông Q hứa sửa chữa nhưng không thực hiện. Để đảm bảo ánh sáng an ninh trước cổng nhà, bà đã thay mới toàn bộ đường dây dẫn điện từ nhà ra cổng do ông Q gây thiệt hại.

Ông Q phá hàng rào của bà giáp ranh với miếng đất của ông (phần dưới đìa): Sáng ngày 01/6/2020 bà phát hiện ông Q cắm nhiều cọc và cột chặt vào hàng rào của bà (ông làm từ 18 giờ 30 phút đến 21 giờ ngày 31/5/2020, vì lúc này bà không ở nhà). Bà yêu cầu ông Q tháo các cọc ra khỏi hàng rào bà nhưng ông Q không thảo dỡ mà còn dùng những lời thô tục chửi bà, ông Q liền ngang nhiên dùng xà ben bẫy lên hết các cọc tràm và các tấm tol, phá hủy toàn bộ chân hàng rào của bà. Bà có làm đơn gửi công an thị trấn V.

Đối với đất bị lấn chiếm: Ông Trần Văn Q1 cưa tường của bà và lấn sang phần đất của bà (phần giáp ranh phía sau). Ngày 07/8/2020 bà có làm đơn thưa gửi UBND thị trấn V giải quyết. Ngày 25/8/2020, UBND có mời đến hòa giải nhưng ông Q1 không đến.

Khi đoàn cán bộ địa chính các cấp đến đo đạc xác định lại diện tích do hiến đất mở rộng tuyến đường (bà không có ở nhà). Vào ngày sau đoàn đo đạc kêu bà ký biên bản, chiền ngang thửa đất chỉ còn 15,8m, bà bị mất 0,37m so với giấy chứng nhận được cấp nên bà không đồng ý ký biên bản. Sau đó đoàn cán bộ địa chính đến đo đạc lại, có sự chứng kiến đầy đủ giữa các bên liên quan và thống nhất cắm cọc, ông Q1 và bà L không thống nhất ranh giới và cũng không cho đoàn đo đạc lại.

Sau ngày 21/4/2022, ông Q1 lại tiếp tục cưa tường lấn chiếm đất của bà thêm một đoàn 0,03m. Do đó, qua các lần ông Q1 cưa tường lấn đất của bà tổng cộng là 0,4m, tổng diện tích lấn chiếm là 49,3m x 0,4m = 9,86 m^2.

Nay bà khởi kiện yêu cầu: 1. Buộc ông Q1 bồi thường thiệt hại với số tiền 7.500.000 đồng; 2. Yêu cầu ông Q1, chị T, bà L trả lại phần đất lấn chiếm là 0,4m x 49,3m = 9,86 m^2 thuộc thửa 191 tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp E, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn Q1 cũng như đại diện cho bà Nguyễn Thị Như L, chị Trần Thị Như T trình bày:

Ông hoàn toàn không đồng ý bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào của bà Nguyễn Thị Thu N. Thứ nhất cây mít vị trí nằm trong đất của ông bà, ngày 21/6/2019 ông đốn cây mít nhưng hoàn toàn không có làm đứt đường dây điện của bà Thu N như

đơn bà trình bày. Bà Thu N nói ông làm đứt thì bà Thu N phải có cơ sở chứng minh chứ không thể tự vu khống cho rằng hễ đốn cây là sẽ làm đứt dây điện. Tại sao sự việc như bà Thu N nói xảy ra vào ngày 21/6/2019 mà bà T1 Năm không nói cho ông bà biết cũng không báo chính quyền địa phương để lập biên bản, đến nay mới khởi kiện ông bà. Dây điện bà Thu N nói bị răn nứt toàn bộ điều này chứng minh là đường dây của bà đã cũ, thời gian sử dụng do điều kiện thời tiết ảnh hưởng răn nứt. Việc bà Thu N thay mới toàn bộ đường dây điện của nhà bà là chuyện của bà, bà vô cớ nói thay dây điện là do ông làm đứt là vô lý. Thứ hai đối với việc bà Thu N cho rằng ông phá chân hàng rào của bà ở dưới đìa là hoàn toàn không có. Bởi đất của ông có cái đìa giáp ranh đất bà Thu N, bên bà T1 Năm cắm rào lưới B40 thời gian trên 10 năm nên gốc lưới B40 nghiêng sạt lở qua bên ông nên ông có thuê thợ chỉnh cho ngay ngắn chứ hoàn toàn không có bất kỳ động thái đập phá hàng rào của bà Thu N nên yêu cầu khởi kiện của bà Thu N là không có cơ sở. Thứ 3 đất của ông giáp ranh đất của bà Thu N có thước tất cụ thể rõ ràng, có trụ ranh và hàng rào ổn định, ông không lấn chiếm gì đất của bà Thu N. Ông Bà là nông dân địa phương không am hiểu pháp luật như bà T1 Năm một người cán bộ Nhà nước mà lại có thái độ hành xử, khiếu kiện vô cớ, dựng chuyện từ đó gây mất đoàn kết ảnh hưởng đến niềm tin của người dân ở địa phương. Do đó ông bà đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thu N.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng các Điều 166, 175, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Trần Văn Q1, bà Nguyễn Thị Như L, chị Trần Thị Như T về việc yêu cầu ông Trần Văn Q1, bà Nguyễn Thị Như L, chị Nguyễn Thị Như T2 trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang 0,39m, chiều dài khoảng 49,3m. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của thửa đất số 191, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH001067 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu N và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01106 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 03/8/2012 cho chị Trần Thị Như T đứng tên là hàng rào hiện hữu của bà T1 Năm theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 21/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Trần Văn Q1 về việc yêu cầu ông Trần Văn Q1 bồi thường thiệt hại đường dây dẫn điện với số tiền 600.000 đồng và hàng rào dưới ao với số tiền 3.900.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Trần Văn Q1. Buộc ông Trần Văn Q1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu N phần tường rào với số tiền 219.268 đồng (Hai trăm mười chín nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 13/02/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án số 69/2026/DS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu đo đạc lại phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Luật sư Trần Ngọc Q xin vắng mặt và có gửi bài bào chữa, qua đó ông Q cho rằng:

Việc bị đơn ông Trần Văn Q1 có hành vi đốn cây ngã là đứt dây điện, nhiều lần cưa tường lấn sang đất của bà N khi bà không có ở nhà, thực tế có xảy ra. Hành vi này được thực hiện trong thời gian dài, qua nhiều năm. Lời trình bày của các bên tham gia tố tụng, lập luận của án sơ thẩm còn có nhiều mâu thuẫn. Trong quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm, cơ quan chức năng có nhiều lần đo đạc, do việc đo đạc không thực hiện đúng theo sự chỉ ranh của bà N nên bà không ký tên. Cấp sơ thẩm lấy biên bản được đo đạc vào ngày 21/4/2022 để xét xử là không đúng. Với lập luận trên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét thấu đáo các vấn đề trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu N nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo có căn cứ cho thấy về diễn biến quá trình sử dụng đất của các bên có liên quan thể hiện:

Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Thu N có quản lý, sử dụng thửa đất số 115, tờ bản đồ số 5, diện tích 792,8 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00259 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/11/2007 và thửa đất số 191, tờ bản đồ số 5, diện tích 568,2 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00260 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/11/2007. Quá trình sử dụng đất, ông V và bà Thu N đã nhập 02 thửa đất số 115 và thửa số 191 thành một thửa có diện tích 1.361 m^2 đất ở và đất cây lâu năm. Năm 2011, ông V và bà Thu N ly hôn và tiến hành phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nêu trên.

Bà T1 Năm tách một phần của thửa số 191 với diện tích 376,4 m^2 và một phần của thửa số 115 với diện tích 469,2 m^2 và hợp lại thành thửa mới số 191 với diện tích 836,6 m^2 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH001067 ngày 19/6/2012. Hướng Bắc của thửa đất có tổng ***chiều ngang là 16,17m***. Phần đất còn lại do ông V đứng tên thửa mới số 115 với diện tích 489,4 m^2 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH001068 ngày 19/6/2012, hướng Bắc của thửa đất có tổng ***chiều ngang là 11,5m.*** Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà Thu N đều có tiến hành đo đạc xác định diện tích đất.

Ngày 10/7/2012, ông V lập *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* chuyển nhượng cho chị Trần Thị Như T phần đất thửa số 115 diện tích 489,4 m^2. Chị T đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01106 ngày 03/8/2012. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T thì không tiến hành đo đạc lại thửa đất mà chỉ trích lục diện tích đất nhưng diện tích và tứ cận không có sự thay đổi so với diện tích và tứ cận phần đất của ông V đã được cấp giấy chứng nhận.

Bà Thu N cho rằng vào năm 2020 ông Q1 cưa tường rào lấn chiếm đất của bà với chiều ngang 0,37m, đến ngày 21/4/2022 ông Q1 tiếp tục lấn chiếm thêm chiều ngang 0,03m, tổng cộng là 0,4m x chiều dài 49,3m = 9,86 m^2. Tại phiên tòa, bà Thu N xác định ông Q1 lấn chiếm chiều ngang 0,39m. Xét thấy, năm 2021, bà Thu N khởi kiện ông Q1 về việc lấn chiếm đất, qua các lần đo đạc thửa đất tranh chấp ngày 10/6/2021, ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây đều xác định hướng Bắc của thửa số 191 có ***chiều ngang là 16,18m*** chưa tính phần diện tích tranh chấp là dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, trong khi đó thửa đất số 115 có ***chiều ngang là 11,13m*** là thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị T đã được cấp. Nếu cộng phần diện tích tranh chấp có chiều ngang là 0,37m thì thửa đất số 115 có chiều ngang là 11,5m là phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị T đã được cấp.

Mặc dù tổng diện tích đất của bà Thu N và chị T đều có giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp do quá trình sử dụng đất nhà nước có tiến hành mở rộng làm đường số 2 nhưng việc mở rộng đường ở hướng Nam của thửa đất, còn phần tranh chấp của các bên là ở hướng Bắc của thửa đất, ngoài ra việc mở rộng đường chỉ làm biến động về chiều dài của thửa đất, đối với chiều ngang của thửa đất thì không có biến động nên diện tích đất của bà Thu N có giảm không là căn cứ xác định phía chị T, ông Q1, bà L lấn chiếm đất. Hơn nữa, ranh giới đất giữa bà Thu N và ông Q1 đã được ông V và bà Thu N xác định từ lúc tiến hành phân chia quyền sử dụng đất là hàng rào của bà T1 Năm xây dựng, ông Q1 sử dụng thửa số 115 đúng với ranh giới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T, phù hợp với lời trình bày của ông V.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Thu N có đơn yêu cầu đo đạc lại phần đất tranh chấp, nhưng khi Tòa án phối hợp cùng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đã tiến hành đo đạc thì bà T1 Năm không thống nhất ký tên biên bản đo đạc nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai lập biên bản về việc không đo đạc được do bà T1 Năm không hợp tác (BL 114). Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà T1 Năm tiếp tục yêu cầu đo đạc lại thửa đất. Xét thấy, bà T1 Năm yêu cầu đo đạc nhưng lại không thống nhất ký tên vào biên bản, nay lại yêu cầu đo đạc lại là làm kéo dài, cản trở việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận. Hơn nữa, bà Thu N thừa nhận ông Q1 có hành vi lấn chiếm đất của bà trước khi Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử, từ đó đến nay ông Q1 không lấn chiếm thêm, nên căn cứ kết quả đo đạc của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây ngày 21/4/2022 đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án.

Với diễn biến quá trình sử dụng đất như nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ để xác định ông Q1, bà L, chị T lấn chiếm đất của bà Thu N. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 Năm về việc yêu cầu ông Q1, bà L, chị T trả lại đất lấn chiếm diện tích 9,86 m^2 cho bà là có căn cứ.

Đối với yêu cầu ông Q1 bồi thường thiệt hại về tài sản gồm đường dây dẫn điện 600.000 đồng, hàng rào dưới ao là 3.900.000 đồng, phần tường rào trên bờ là 3.000.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa ông Q1 thừa nhận có cưa phần tường rào trên bờ là ranh chung giữa đất của chị T với bà Thu N. Mặc dù ông Q1 không có lấn chiếm đất của bà T1 Năm nhưng tường rào này là do bà T1 Năm xây dựng, khi cưa tường ông Q1 không có thông báo cho bà T1 Năm để các bên thỏa thuận giải quyết, di dời là xâm phạm đến tài sản của bà Thu N, do đó ông Q1 phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại phần tường rào đã cưa cho bà T1 Năm. Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 10/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thì phần tường rào có giá trị là 219.268 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà Thu N, buộc ông Q1 bồi thường cho bà T1 Năm số tiền 219.268 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu bồi thường đường dây dẫn diện và hàng rào dưới ao, bà Thu N không có chứng cứ chứng minh ông Q1 gây thiệt hại và phía ông Q1 không thừa nhận, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà N.

[3]. Với căn cứ xác định diễn biến quá trình sử dụng đất như nêu trên, tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở cho thấy phán quyết của cấp sơ thẩm là phù hợp. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4]. Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với thực tế khách quan, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến và đề nghi của Luật sư, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án. Tuy nhiên, như đã nhận định ở trên xác định kháng cáo của bà Thu N là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2026/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Áp dụng các điều 166, 175, 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Trần Văn Q1, bà Nguyễn Thị Như L, chị Trần Thị Như T về việc yêu cầu ông Trần Văn Q1, bà Nguyễn Thị Như L, chị Nguyễn Thị Như T2 trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang 0,39m, chiều dài khoảng 49,3m. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của thửa đất số 191, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH001067 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Thu N và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01106 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 03/8/2012 cho chị Trần Thị Như T đứng tên là hàng rào hiện hữu của bà T1

Năm theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 21/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Trần Văn Q1 về việc yêu cầu ông Trần Văn Q1 bồi thường thiệt hại đường dây dẫn điện với số tiền 600.000 đồng và hàng rào dưới ao với số tiền 3.900.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Trần Văn Q1. Buộc ông Trần Văn Q1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu N phần tường rào với số tiền 219.268 đồng (Hai trăm mười chín nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng).

2. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu N được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 2– Đồng Tháp;(1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Các đương sự; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Trung Hiếu